

rà soát xét kỹ lại các phương án bố trí sản xuất công nghiệp, xem xét dần bớt các cơ sở công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hóa chất về các TP và địa phương khác trong vùng, hạn chế việc tăng dân số và lao động của TP, hạn chế ô nhiễm môi trường đô thị và nâng cao hiệu quả của sản xuất.

4. Việc chuyển dịch cơ cấu tiến đến hoàn thiện dần từng bước cơ cấu các ngành công nghiệp trên địa bàn TP.HCM, chú trọng phát huy tối đa tiềm lực công nghiệp nhẹ, phát triển những ngành nhanh thu hồi vốn, có dung lượng lao động lớn nhưng dung lượng vật tư ít theo hướng ưu tiên nhằm sử dụng tốt nhất các lợi thế về nguồn nguyên liệu trong vùng, về mối quan hệ thuận lợi với thị trường trong và ngoài nước chủ yếu là những ngành làm hàng xuất khẩu chế biến thực phẩm cao cấp, dệt da may, dệt, dịch vụ sửa chữa tàu biển, nhựa cao su, kim khí tiêu dùng, điện tử và các ngành tiêu dùng khác. Chú ý công nghiệp nhóm A của TP hiện nay còn rất nhỏ bé so với yêu cầu công nghiệp hóa đất nước, nếu chỉ nhìn đơn thuần trên địa bàn TP thì khó thấy thế cân đối giữa nhóm A và B. Việc xác định cơ cấu hợp lý giữa nhóm A và B phải xuất phát từ quan điểm: công nghiệp TP.HCM gắn chặt với Biên Hòa- Long Thành- Vũng Tàu tạo nên một trung tâm công nghiệp lớn nhất phía Nam trong mối quan hệ hữu cơ với công nghiệp của vùng và cả nước. Đầu tư có trọng điểm ngành cơ khí chế tạo, ngành sản xuất ra công cụ lao động hiện đại, là một trong những thành phần quan trọng nhất của lực lượng sản xuất. Chính vì vậy cơ khí là ngành chủ đạo trong việc giải quyết những nhiệm vụ của tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, bảo đảm trang bị lại kỹ thuật cho công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp và các ngành khác, tuy nhiên đầu tư cho cơ khí cần vốn lớn và thời gian dài nên phải chọn phương án hết sức thận trọng trên cơ sở kết hợp năng lực hiện có với kỹ thuật tiên tiến của thế giới.

5. Nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt về mô hình phát triển công nghiệp trên địa bàn TP là xóa bỏ ranh giới, tăng cường về địa lý kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp và TTCN, giữa công nghiệp quốc doanh, tập thể, gia đình và cá thể, trong đó các ngành then chốt quốc doanh phải thực sự đóng vai trò chủ đạo về mọi mặt: trình độ kỹ thuật, năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, dần dần hình thành những xí nghiệp đầu đàn trong lĩnh vực sản xuất những tập đoàn kinh tế lớn mạnh tiêu biểu của cả nước, tận dụng các tiềm năng sẵn có, khai thác nguồn nguyên liệu trong nước kết hợp với nhập khẩu, tạo khả năng tái tạo

ngoại tệ để giải quyết tình trạng thiếu nguyên liệu, vật tư phụ tùng thay thế.

Triệt để vận dụng các chủ trương về kinh tế đối ngoại và chính sách đầu tư của nhà nước. Thành phố cần tranh thủ nguồn vốn và kỹ thuật của nước ngoài, của kiều bào yêu nước, để phát triển công nghiệp với quy mô lớn hơn và có hiệu quả hơn chủ yếu nhằm đầu tư gối đầu, đảm bảo mức phát triển cao hơn trong những năm sau.

6. Để phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn TP và cả khu vực mở rộng hợp tác kinh tế liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh, với tư cách là trung tâm công nghiệp lớn, công nghiệp trên địa bàn TP phải đáp ứng nhu cầu phục vụ nông - lâm - ngư nghiệp, trước hết là thỏa mãn nhu cầu của các vùng chuyên canh lớn: lúa, cây công nghiệp (ngăn ngày và dài ngày), phục vụ cho đánh bắt và chế biến thủy hải sản, phục vụ khai thác và chế biến dầu mỏ, phục vụ khai thác và chế biến bôxít v.v..Nói chung là phải làm rõ sự phân công phối hợp trong bố trí công nghiệp ở khu vực phía Nam trong mối quan hệ với cả nước, đồng thời xác lập hoàn thiện và thể chế hóa mối quan hệ kinh tế vùng trong sản xuất công nghiệp. Công nghiệp trên địa bàn TP phải phát triển hài hòa theo nhu cầu chung của cả nước, đồng thời phải tính đến nhu cầu cả khu vực và hai nước Lào- Campuchia và các nước Đông Nam Á khác.

Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của TP nằm trong tổng thể của cơ cấu vùng địa bàn kinh tế trọng điểm là một quá trình chuyển biến phức tạp đầy khó khăn. Tất nhiên những quan điểm nêu trên mới chỉ là những phác họa cơ bản làm tiền đề cho các bước kế tiếp. Các quan điểm này phải được vận dụng một cách đồng bộ, quan điểm này bổ sung cho quan điểm kia trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của Thành phố ♣



1. Sơ lược

Ở miền Nam Việt Nam, vàng là khoáng sản tiêu biểu nhất, đa dạng về nguồn gốc và quy mô, có mặt gần như xuyên suốt dải đất miền Trung trên các cấu trúc địa chất khác nhau. Có thể nhận thấy ở các tỉnh Đồng Nam bộ, Đà Lạt, Lâm Đồng, Đồng Nai những dấu hiệu của các mỏ vàng như sau:

- Có sự phổ biến của các mạch macma xâm nhập, các loại đá mạch trung tính, các cấu trúc nếp lồi và đứt gãy...

Đó là các yếu tố địa chất thuận lợi cho sự chứa, vận chuyển và tích tụ vàng thành mỏ.

- Có sự phân bố phong phú vàng dưới dạng sa khoáng và dạng gốc, trùng hợp với các đặc điểm địa chất nêu trên.

- Các mỏ sa khoáng có quy mô không lớn so với mỏ gốc nhưng có hàm lượng đạt yêu cầu công nghiệp. Tổng trữ lượng lên đến hàng chục tấn.

- Các biểu hiện vàng gốc đã được phát hiện ở nhiều nơi với trữ lượng và hàm lượng đáng kể đủ để khai thác công nghiệp. So với một số nước châu Á như Nhật Bản, Philippines thì triển vọng vàng Việt Nam có thể bằng hoặc lớn hơn.

Trong bài này chúng tôi chỉ đề cập đến hai mỏ vàng tương đối lớn Đồng Nam bộ đó là mỏ vàng Trà Nắng thuộc Lâm Đồng và mỏ vàng Vĩnh An thuộc Đồng Nai.

2. Khái quát vùng mỏ Trà Nắng

Vùng mỏ nằm ở phía Nam huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, kéo dài theo phương Đông-Tây từ xã Trà Nắng ở phía đông đến cầu Đại Ninh trên quốc lộ 20 ở phía tây, được xếp vào loại lớn nhất khu vực với chiều dài 30km, rộng 300-500m, dày 0,4-0,5m; cách TP.HCM 250km, có độ cao từ 850-950m so với mặt biển.

Đây là vùng mỏ được phát hiện và đánh giá vào cuối những năm 70 và đầu năm 80. Đến năm 1986, việc khai thác bắt đầu do XN A86 (thuộc Sở công nghiệp Lâm Đồng) thực hiện. Việc khai thác tiến hành chủ yếu bằng

MỎ VÀNG ĐÔNG NAM BỘ

NGUYỄN HỮU ĐỊNH
GD Cty VBĐQ TP-SJC

thủ công, thiếu tổ chức khoa học và trong 10 năm đã khai thác xong (!). Sơ lược đặc điểm quặng hóa vàng: Trên vùng mỏ Trà Nặng có hai dạng quặng hóa vàng là quặng sa khoáng và quặng gốc.

- Vàng sa khoáng được coi là triển vọng đáng kể vì hàm lượng khá cao và trữ lượng tương đối lớn. Việc khai thác không đòi hỏi những thiết bị phức tạp, đắt tiền. Đã xác định được 8 mạch vàng sa khoáng theo các yếu tố chính như hàm lượng, trữ lượng, bề dày quặng. Lẫn trong mạch vàng sa khoáng có các tầng, cuội thạch anh chứa vàng với hàm lượng cao, một số mẫu này phân tích bằng sianua lên đến 20g/tấn quặng. Giá trị toàn vùng mỏ sa khoáng sẽ tăng lên nếu có sự phổ biến rộng các tầng cuội thạch anh chứa vàng.

- Vàng gốc tại Trà Nặng liên quan mật thiết với các mạch thạch anh và đới mạch vàng phân bố khá phổ biến trong vùng mỏ. Kết quả phân tích hàng trăm mẫu từ các hào đào cắt qua mạch thạch anh có nhiều mẫu chứa vàng với hàm lượng vàng phổ biến 5g/tấn quặng, cá biệt có mẫu tới 3g/tấn quặng. Trở ngại đáng kể nhất ở đây là tính quy luật không phổ biến trong sự phân phối mạch về kích thước, quặng hóa và hàm lượng vàng của các mạch gốc.

Tóm lại, với ước tính trữ lượng chung vàng sa khoáng và vàng gốc tại mỏ Trà Nặng là 4.500kg (hàm lượng bình quân 1g/Tq) thì vùng mỏ Trà Nặng có nhiều triển vọng để đầu tư khai thác với kỹ thuật cao.

3. Khái quát vùng mỏ Vĩnh An

Vùng mỏ Vĩnh An gồm hai địa điểm lâm trường

Vĩnh An (LTVA) và lâm trường Hiếu Liêm (LTHL) được đoàn địa chất 603 khảo sát từ năm 1988. Hiện toàn bộ khu mỏ nay nằm dưới quyền của Cty Donavik - Đồng Nai, trong đó Donavik trực tiếp đầu tư khai thác toàn bộ vùng mỏ Vĩnh An với số vốn đầu tư khoảng 150 triệu VNĐ, còn khu mỏ Hiếu Liêm thì giao khoán thuế cho dân.

Khu mỏ LTVA nằm trên địa hình núi cao, theo hướng Đông Bắc - Tây Nam với chiều dài 4km, rộng 2km, độ cao từ 55-200m so mặt biển. Khu mỏ LTHL nằm dọc suối Linh, Bờ Hào, có chiều dài 12km, rộng 2km, độ cao 45-150m. Cả vùng mỏ Vĩnh An - Hiếu Liêm cách TP.HCM khoảng 120km về phía Đông Bắc.

Sơ lược đặc điểm quặng hóa vàng:

Vùng mỏ Vĩnh An chủ yếu ở dạng vàng quặng gốc. Vàng sa khoáng chỉ có với hàm lượng thấp (0,1g/Tq) tại các thung lũng nhỏ trong khu mỏ, không có giá trị công nghiệp. Vàng gốc Vĩnh An nằm trong các mạch nhiệt dịch thạch anh xuyên cắt đá, cát, bột kết phiến sét của điệp (1) La Ngà. Các mạch này phân bố không có tính quy luật, thường ở độ sâu 5-8 mét có khi sâu đến 30-40m so với địa hình. Tại những nơi có nước ngầm, vàng chứa trong những khoáng vật màu đen, xám đen có chứa sunfua.

Kết quả khảo sát trữ lượng, hàm lượng do đoàn 603 và Cty Donavik thực hiện tuy chỉ ở bề dày trung bình đã cho thấy khu vực này có khoảng 20 mạch nhiệt dịch thạch anh với hàm lượng trung bình 5,02-8,8gr/tấn quặng. Trung bình 5,4gr/Tq. Cá biệt khảo sát tại đồi HL1 ở độ sâu 15m hàm lượng vàng đạt

40-50g/Tq, tại đồi HL2, độ sâu 7m hàm lượng 10-30g/Tq.

Ước tính trữ vàng ở mỏ Vĩnh An với hàm lượng trung bình 5g/Tq, là 2.500kg. Kết quả này cho phép đầu tư khai thác ở mức độ vừa phải.

4. Hiện trạng các khu mỏ và kiến nghị về quản lý và đầu tư khai thác hiện trạng

Các khu mỏ Trà Nặng và Vĩnh An từ nhiều năm qua đã được 1 số đơn vị nhà nước (XNA86, Cty Donavik - Đồng Nai) và dân chúng khai thác rầm rộ theo kiểu phân lô chiếm đất, các hố khai thác lỗ chỗ như hố bom. Diện tích khai thác thực tế chỉ chiếm từ 1/10-2/10 diện tích chứa vàng. Nghĩa là từ 8-9/10 diện tích chứa vàng chưa được khai thác. Tuy có một số thiết bị như máy bơm, máy xay, máy ủi nhưng phương pháp khai thác lạc hậu kém hiệu quả. Tình trạng an ninh trật tự xã hội các khu mỏ không tốt, như một xã hội không được quản lý. Môi trường bị ô nhiễm, rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Nguồn thu từ tài nguyên nhà nước không đáng kể.

Từ thực trạng đó, chúng tôi kiến nghị các biện pháp quản lý và khai thác trong giai đoạn trước mắt như sau:

1. Tạm thời đóng cửa toàn bộ khu mỏ
2. Nhanh chóng xác định phạm vi mỏ, quy hoạch

phân lô và cho đấu thầu khai thác đối với các Cty quốc doanh, tập thể, cá nhân có khả năng.

3. Quy định công nghệ khai thác thích hợp để tăng hiệu quả đầu tư, bảo vệ môi sinh (san lấp mặt bằng sau khi khai thác với lớp đất mặt, phương pháp tinh luyện...) và quy định về an toàn lao động.

4. Nhà nước tiến hành mua bán toàn bộ theo giá mua thị trường (bảo đảm quyền lợi người khai thác) để đáp ứng 1 phần như cầu vàng trong nước, tiết kiệm ngoại tệ (năm 1992, cả nước nhập trên 20 tấn vàng).

5. Khuyến khích các Cty đầu tư khai thác bằng cách chỉ định một số Cty có kỹ thuật và vốn đi vào khai thác với chế độ ưu đãi về thuế và tài chính.

6. Tiếp tục điều tra thăm dò và quy hoạch các khu mỏ để có hướng đầu tư và phát triển lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đề án khai thác tận thu vàng sa khoáng khu mỏ Trà Nặng của Tổng Cty Phát triển khoáng sản Geosimco.

- Đề án khai thác chế biến kim loại quý tỉnh Đồng Nai của Cty Donavik.

(1) *Tự điển Địa chất tập 1*, NXB KHKT 1979 giải thích chữ điệp là: một đơn vị cơ bản của thang tầng địa phương được phân chia dựa vào các dấu hiệu trầm tích, tướng đá. Đó là một tập hợp trầm tích được tạo thành tại một vùng trong hoàn cảnh địa lý tự nhiên nhất định và chiếm một vị trí nhất định.